

Bản án số: **54** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2018

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân :

Bà Dương Thị Bình

Ông Mai Hồ Hải Thành

-Thư ký phiên tòa : Bà Phạm Thị Thảo – Là Thư ký tòa án nhân dân quận S Trà – TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST-HPT ngày 22/10/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L. Sinh năm : 1989. Nghề nghiệp: Công nhân. Trú tại : Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh T. Có mặt.

- *Bị đơn:* : Ông Trần Hải S. Sinh năm: 1977. Nghề nghiệp: Tự do.

Trú tại : Số 6N đường T, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2018 nộp đến Tòa án ngày 14/8/2018, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Bà L và ông Trần Hải S kết hôn vào năm 2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Quang, quận S Trà TP. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với gia đình chồng tại phường Thọ Quang, quận S Trà, TP. Đà Nẵng. Bà L và ông S sống được đến năm 2014 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông S thường xuyên đi sớm về khuya với bạn bè, nhậu nhẹt thâu đêm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, gia đình chồng cũng không thông cảm mà còn dựng chuyện chửi bới bà L. Bà L không chịu được cách sống như vậy, nên ôm con về nhà ba mẹ ruột sống và nuôi con từ năm 2014 đến nay. Ông S không chu cấp hay qua lại gì với bà L từ đó cho đến nay. Nay bà L xác định là không còn tình cảm với ông Trần Hải S nên bà L quyết định yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Trần Hải S.

- Về con chung : Bà L xác định có 01 con chung là Trần Lê Hải L, sinh ngày 07/3/2012. Ly hôn nguyện vọng của bà được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu ông Trần Hải S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Trần Hải S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà L xác định không có.

- Về nợ chung: Bà L xác định không có.

Bị đơn, ông Trần Hải S từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng

pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử đúng nguyên tắc chung. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung xét thấy quan hệ hôn nhân của bà L và ông S đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho bà L được ly hôn ông S; về con chung: Bà L có nguyện vọng được nuôi con chung là Trần Lê Hải L, sinh ngày 07/3/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung, ông S không có ý kiến, yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam giao con chung là Trần Lê Hải L, sinh ngày 07/3/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản chung, nợ chung: không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Hải S là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Hải S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị L và ông Trần Hải S kết hôn năm 2011 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136, quyển số 01/2011 cấp ngày 09/6/2011. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông S thường xuyên đi sớm về khuya với bạn bè, nhậu nhẹt thâu đêm nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung của bà L với gia đình chồng cũng không hòa hợp được. Khi mâu thuẫn xảy ra, bà L đã ôm con về nhà cha mẹ ruột sống và nuôi con từ năm 2014 cho đến nay. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà L xác định không còn yêu thương ông S nên xin được ly

hôn, còn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về quan hệ hôn nhân này. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L thì thấy: Giữa bà L và ông S từ khi kết hôn năm 2011 đến nay hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Đối với ông S có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ không còn tha thiết với chính gia đình của mình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung. Đại diện tổ dân phố nơi bà L, ông S sinh sống xác định giữa bà L và ông S có mâu thuẫn nên bà L đã tự ý sống ly thân với ông S từ năm 2014 đến nay. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân mà thực tế đã không còn tồn tại nữa mà giải quyết cho bà L được ly hôn với ông S là phù hợp quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Bà L xác định có 01 con chung là Trần Lê Hải L, sinh ngày 07/3/2012. Ly hôn nguyện vọng của bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu ông Trần Hải S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên xét tại phiên tòa hôm nay, bà L thay đổi nội dung khởi kiện chỉ xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Trần Hải S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu Trần Lê Hải L đang chung sống với bà L, ông S không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con nên cần tiếp tục giao con Trần Lê Hải L, sinh ngày 07/3/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Do bà L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập đến.

[4]Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L xác định không có. Ông Trần Hải S không có ý kiến gì về các vấn đề này nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đ nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Trần Hải S về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Trần Hải S (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Trần Hải S nên giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2011 cấp ngày 09/6/2011 do UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 09/6/2011 không còn giá trị pháp lý*)

- Về quan hệ con chung: Giao con Trần Lê Hải L, sinh ngày 07/3/2012 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Hải S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung .

- Về tài sản chung: Không đề cập đến

- Về nợ chung : Không đề cập đến

* Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lê Thị L phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, biên lai thu số **008934 ngày 17/8/2018**.

Báo cho bà Lê Thị L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, **ngày 14/11/2018**. Riêng ông Trần Hải S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận S Trà - Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận S Trà, ĐN;
- Các đương sự;
- UBND phường Thọ Quang, quận S Trà, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ MỸ DUNG